

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2022/KDTM-ST**
Ngày: 29 - 9 - 2022
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Xuân Đông;

2. Ông Phạm Sỹ Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 12/2021/TLST-KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng T;

2. *Trụ sở:* 10 Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Ngọc D - Chức vụ: Giám đốc Vùng phụ trách khu vực Tây Nguyên là đại diện ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 2181/2021/QĐ-TGD ngày 23/09/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng T về việc ủy quyền cho Giám đốc Trung tâm kinh doanh/Chi nhánh khởi kiện, tham gia tố tụng và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan.

Người được ủy quyền lại của Giám đốc vùng Tây nguyên: Ông Phan Văn T – chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ và Ông Hồ Nhật Khánh – chức vụ: Chuyên viên

Quan hệ khách hàng theo giấy uỷ quyền ngày 29/9/2021 của Giám đốc Vùng phụ trách khu vực Tây Nguyên Ngân hàng T – Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. *Bị đơn:* Công ty X; Trụ sở tại: Tổ X, phường T, thành phố N, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hán Thị Thanh L – Chức vụ: Giám đốc công ty; địa chỉ: Tổ X, phường T, thành phố N, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Vũ Thị M – Chức vụ: Phó Giám đốc công ty; địa chỉ: Tổ X, phường T, thành phố N, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng T (HD Bank) trình bày:

Ngân hàng T đã cho Công ty X (*công ty X*) vay tổng số tiền 940.000.000 đồng theo 02 Hợp đồng tín dụng trung dài hạn, cụ thể:

- Hợp đồng số 1926/15/HĐTDTDH-DN/111 ngày 24/11/2015, giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 1926/15/HĐTDTDH-DN/111/ĐNGN-KUNN-01 ngày 24/11/2015, số tiền vay là 750.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 8,99%/năm trong vòng 9 tháng đầu, các tháng tiếp theo áp dụng lãi suất 12% + biên độ tối thiểu 3,5%, ngày đến hạn trả là 24/11/2019.

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0245/2016/HĐTDTDH-DN/111 ngày 24/03/2016, giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 0245/2016/HĐTDTDH-DN/111/ĐNGN-KUNN/DN/01 ngày 24/03/2016, số tiền vay là 190.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 8,99%/năm trong vòng 9 tháng đầu, các tháng tiếp theo áp dụng lãi suất 12% + biên độ tối thiểu 3,5%.

Lãi suất cho vay cố định hoặc điều chỉnh và lãi phạt được quy định cụ thể trong 2 Khế ước nhận nợ nói trên. Mục đích vay của cả hai hợp đồng là để bổ sung vốn vay mua xe ô tô tải benzt tự đồ hiệu SHACMAN mới 100% và xe ô tô tải hiệu CHIENHANG mới 100%

Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm:

- Xe ô tô tải benzt tự đồ hiệu SHACMAN mới 100% BKS 48C-030.31 theo GCNĐK xe ô tô số 002721 do Phòng cảnh sát giao thông CA tỉnh Đắk Nông cấp ngày 18/11/2015 đảm bảo cho khoản vay 750.000.000đ theo Hợp đồng thế chấp Máy móc, Thiết bị/Phương tiện vận tải số 1516/15/HĐBĐ-111 ngày 23/11/2015.

- Xe ô tô tải tự đồ hiệu CHIENHANG mới 100% BKS 48C-034.94 theo GCNĐK xe ô tô số 003359 do Phòng cảnh sát giao thông CA tỉnh Đắk Nông cấp ngày 23/06/2016 đảm bảo cho khoản vay 190.000.000đ theo Hợp đồng thế chấp Máy móc, Thiết bị/Phương tiện vận tải số 0175/16/HĐBĐ-111 ngày 24/03/2016.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết như đã nêu trên. Cụ thể, Công ty X đã vi phạm phương thức, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận khi không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi từ ngày 16/11/2020 đến nay mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, mời làm việc. Tạm tính đến ngày 29/09/2022, tổng số tiền mà Công ty X còn nợ HDBank là 859.399.147 đồng (*Tám trăm năm chín triệu, ba trăm chín mươi chín ngàn, một trăm bốn mươi bảy đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 486.202.160 đồng, nợ lãi trong hạn: 51.424.185 đồng, nợ lãi quá hạn 321.772.802 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Buộc Công ty X phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho HDBank với tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/09/2022 là 859,399,147 đồng (*Tám trăm năm chín triệu, ba trăm chín mươi chín ngàn, một trăm bốn mươi bảy đồng*). Buộc Công ty X phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với HDBank kể từ ngày 31/08/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp, Công ty X không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì HDBank được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp cho HDBank theo 02 Hợp đồng thế chấp Máy móc, Thiết bị/Phương tiện vận tải số 1516/15/HĐBĐ-111 ngày 23/11/2015 và số 0175/16/HĐBĐ-111 ngày 24/03/2016 để thu hồi nợ vay.

Ngày 29/9/2022, HD Bank gửi bảng tính gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/9/2022 đối với hai khoản vay, cụ thể: Đối với khoản vay tại Hợp đồng số 1926/15/HĐTDTDH-DN/111 ngày 24/11/2015, nợ gốc là 344.467.117đ, nợ lãi trong hạn là 31.626.905đ, nợ lãi quá hạn là 232.469.930đ; đối với khoản vay tại Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0245/2016/HĐTDTDH-DN/111 ngày 24/03/2016, nợ gốc là 141.734.878đ, nợ lãi trong hạn là 19.797.280đ, nợ lãi quá hạn là 95.704.293đ; tổng cộng nợ gốc và lãi của cả hai khoản vay là 865.800.568đ.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã triệu tập hợp lệ và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với Công ty X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M nhưng các đương sự đều không có mặt để làm việc và không trình bày gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi được phân công giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ

khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 299, khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Buộc Công ty X phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền 865.800.568đ tạm tính đến ngày 29/9/2022, trong đó:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 1926/15/HĐTDTDH-DN/111 ngày 24/11/2015, nợ gốc là 344.467.282đ, nợ lãi trong hạn 31.626.905đ, nợ lãi quá hạn 232.469.930đ.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0245/2016/HĐTDTDH-DN/111 ngày 24/03/2016, nợ gốc là 141.734.878đ, nợ lãi trong hạn 19.797.280đ, lãi quá hạn 95.704.293đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty X trả số tiền đã quá hạn vay theo 02 hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, cho nên căn cứ Điều 238 tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T:

[2.1] Đối với hai khoản vay: Ngân hàng T cho rằng Công ty X đã vay tổng số tiền 940.000.000 đồng theo 02 Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng cung cấp 02 Hợp đồng tín dụng số 1926/15/HĐTDTDH-DN/111 ngày 24/11/2015, số tiền vay là 750.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 8,99%/năm trong vòng 9 tháng đầu, các tháng tiếp theo áp dụng lãi suất 12% + biên độ tối thiểu 3,5%, ngày đến hạn trả là 24/11/2019 và Hợp đồng tín dụng số 0245/2016/HĐTDTDH-DN/111 ngày 24/03/2016, số tiền vay là 190.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 8,99%/năm trong vòng 9 tháng đầu, các tháng tiếp theo áp dụng lãi suất 12% + biên độ tối thiểu 3,5% có chữ ký của Phó Giám đốc công ty bà Vũ Thị Mai và con dấu của công ty. Tại hai giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 24/11/2015 và ngày 24/3/2016 thể hiện việc toàn bộ số tiền gốc vay tại hai Hợp đồng tín dụng đã

được giải ngân cho công ty X. Tính đến ngày 16/11/2020, Công ty X đã trả được số tiền cụ thể như sau:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 1926/15/HĐTDTDH-DN/111 ngày 24/11/2015 đã trả được tiền gốc là 405.532.718đ, lãi trong hạn là 143.406.950đ, lãi phạt là 20.304.035đ.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0245/2016/HĐTDTDH-DN/111 ngày 24/03/2016 đã trả được tiền gốc là 48.265.122đ, lãi trong hạn là 21.372.501đ, lãi phạt là 2.855.463đ.

Tổng cộng số tiền công ty X đã trả được tổng số tiền **641.736.789đ**, trong đó: Gốc 453.797.840đ, lãi trong hạn là 164.779.451đ, lãi phạt là 23.159.498đ.

Tính đến ngày 29/9/2022, công ty X còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 865.800.568đ, cụ thể:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 1926/15/HĐTDTDH-DN/111 ngày 24/11/2015, nợ gốc là 344.467.282đ, nợ lãi trong hạn 31.626.905đ, nợ lãi quá hạn 232.469.930đ.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0245/2016/HĐTDTDH-DN/111 ngày 24/03/2016, nợ gốc là 141.734.878đ, nợ lãi trong hạn 19.797.280đ, lãi quá hạn 95.704.293đ.

Như vậy Công ty X đã vi phạm cam kết tại hai hợp đồng tín dụng, quá hạn trả nợ gốc và lãi, nên Ngân hàng HD khởi kiện là có căn cứ, cần buộc Công ty X phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền **865.800.568đ** như đã phân tích.

[2.2] Đối với tài sản thế chấp

Tài sản bảo đảm cho hai khoản vay gồm:

- Xe ô tô tải ben tự đổ hiệu SHACMAN mới 100% BKS 48C-030.31 theo GCNĐK xe ô tô số 002721 do Phòng cảnh sát giao thông CA tỉnh Đắk Nông cấp ngày 18/11/2015 đảm bảo cho khoản vay 750.000.000đ theo Hợp đồng thế chấp Máy móc, Thiết bị/Phương tiện vận tải số 1516/15/HĐBĐ-111 ngày 23/11/2015.

- Xe ô tô tải tự đổ hiệu CHIENHANG mới 100% BKS 48C-034.94 theo GCNĐK xe ô tô số 003359 do Phòng cảnh sát giao thông CA tỉnh Đắk Nông cấp ngày 23/06/2016 đảm bảo cho khoản vay 190.000.000đ theo Hợp đồng thế chấp Máy móc, Thiết bị/Phương tiện vận tải số 0175/16/HĐBĐ-111 ngày 24/03/2016.

Điều 299. Các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm

1. Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

Điều 323. Quyền của bên nhận thế chấp

...

7. Xử lý tài sản thế chấp khi thuộc trường hợp quy định tại Điều 299 của Bộ luật này.

Công ty X thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay và thủ tục thế chấp được thực hiện đúng quy định. Như vậy, nếu đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà công ty X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo 02 Hợp đồng thế chấp Máy móc, Thiết bị/Phương tiện vận tải số 1516/15/HĐBĐ-111 ngày 23/11/2015 và số 0175/16/HĐBĐ-111 ngày 24/03/2016 để thu hồi nợ vay.

Từ những phân tích trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 865.800.568đ, án dân sự sơ thẩm là 37.974.000đ. Trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 299, khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Buộc Công ty X phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền 865.800.568đ tạm tính đến ngày 29/9/2022, trong đó:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 1926/15/HĐTDTDH-DN/111 ngày 24/11/2015, nợ gốc là 344.467.282đ, nợ lãi trong hạn 31.626.905đ, nợ lãi quá hạn 232.469.930đ.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0245/2016/HĐTDTDH-DN/111 ngày 24/03/2016, nợ gốc là 141.734.878đ, nợ lãi trong hạn 19.797.280đ, lãi quá hạn 95.704.293đ.

Kể từ ngày 30/9/2022 Công ty X không trả số tiền nêu trên thì phải trả tiền lãi đối với số tiền quá hạn tương ứng với thời gian quá hạn. Lãi suất phát sinh do quá hạn trả tiền được xác định theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 1926/15/HĐTDTDH-DN/111 ngày 24/11/2015 và Hợp đồng tín dụng số 0245/2016/HĐTDTDH-DN/111 ngày 24/03/2016.

2. Nếu Công ty X không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp cho HDBank theo 02 Hợp đồng thế chấp Máy móc, Thiết bị/Phương tiện vận tải để thu hồi nợ vay, cụ thể:

Xe ô tô tải ben tự đổ hiệu SHACMAN mới 100% BKS 48C-030.31 theo GCNĐK xe ô tô số 002721 do Phòng cảnh sát giao thông CA tỉnh Đắk Nông cấp ngày 18/11/2015 đảm bảo cho khoản vay 750.000.000đ theo Hợp đồng thế chấp Máy móc, Thiết bị/Phương tiện vận tải số 1516/15/HĐBĐ-111 ngày 23/11/2015.

Xe ô tô tải tự đổ hiệu CHIENHANG mới 100% BKS 48C-034.94 theo GCNĐK xe ô tô số 003359 do Phòng cảnh sát giao thông CA tỉnh Đắk Nông cấp ngày 23/06/2016 đảm bảo cho khoản vay 190.000.000đ theo Hợp đồng thế chấp Máy móc, Thiết bị/Phương tiện vận tải số 0175/16/HĐBĐ-111 ngày 24/03/2016.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.974.000đ (*ba mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng T tiền tạm ứng án phí là 17.793.000đ (*mười bảy triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0006114 ngày 03/12/2021, tại Chi cục thi hành án thành phố Gia Nghĩa tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Yến